

Số: 553 /UBND-TH
V/v xây dựng, cung cấp số
liệu phục vụ công tác xác
định một số chỉ tiêu cơ bản
trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 02 năm 2020

Kính gửi:

- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính,
Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- Cục Thống kê tỉnh.



Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 136/SKHĐT-TH ngày 10/02/2020 về việc xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 (bản chụp kèm theo), Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Giao các sở, ngành tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan dự kiến số liệu thu, chi ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021- 2025 (theo Biểu 1 và 2).

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan dự báo số lao động của tỉnh các năm trong giai đoạn 2021 - 2025.

- Cục Thuế tỉnh dự kiến số liệu thu ngân sách nhà nước của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (Biểu 3).

- Cục Hải quan tỉnh dự kiến số liệu thu thuế xuất, nhập khẩu của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 (Biểu 4).

(Các biểu mẫu được gửi kèm theo Công văn này)

Các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ, báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê tỉnh) **chậm nhất ngày 21/02/2020.**

2. Trên cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị cung cấp, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tính toán, xác định một số chỉ tiêu cơ bản trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; đồng thời, hoàn chỉnh các chỉ tiêu, số liệu theo nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại các Công văn số: 266/UBND-TH ngày 20/01/2020, 271/UBND-TH ngày 21/01/2020; tham mưu và trình UBND tỉnh **chậm nhất ngày 27/02/2020.**

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị khẩn trương thực hiện./.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, CBTH;
- Lưu:VT, THptth41.



CHỦ TỊCH

Trần Ngọc Căng

Biểu 1

**DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2015**

(Kèm theo Công văn số 553 /UBND-TH ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng



STT		2020	2021	2022	2023	2024	2025
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN (A+B+C+D+E+F)	1	2	3	4	5	6
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa						
I	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
	<i>Trong đó: Thu từ Nhà máy Lọc dầu</i>						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thu điều tiết						
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thu từ thu nhập sau thuế						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
	- Thuế giá trị gia tăng						

	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thu từ khí thiên nhiên						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Tiền thuế mặt đất, mặt nước						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
	- Thuế giá trị gia tăng						
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp						
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt						
	- Thuế tài nguyên						
	- Thuế môn bài						
	- Thu khác						
5	Lệ phí trước bạ						
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
8	Thuế thu nhập cá nhân						
9	Thuế bảo vệ môi trường						
10	Thu phí xăng dầu						
11	Phí, lệ phí						
12	Tiền sử dụng đất						
13	Thu tiền thuế đất, mặt nước						
14	Thuế nhà đất						
15	Thuế chuyển quyền sử dụng đất						
16	Thu tiền sử dụng khu vực biển						
17	Thu từ bán tài sản nhà nước						
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước						
19	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
20	Thu khác ngân sách						
21	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
22	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
23	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế						
24	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)						
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>						



	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>								
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>								
II	Thu về dầu thô								
III	Thu Hải quan								
1	Thuế xuất khẩu								
2	Thuế nhập khẩu								
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu								
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu								
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam								
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu								
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện								
8	Phí, lệ phí hải quan								
9	Thu khác								
10	Hoàn thuế giá trị gia tăng								
IV	Thu Viên trợ								
V	Các khoản huy động, đóng góp								
1	Các khoản huy động đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng								
2	Các khoản huy động đóng góp khác								
VI	Thu hồi vốn của Nhà nước và thu từ quỹ dự trữ tài chính								
1	<i>Thu từ bán cổ phần, vốn góp của Nhà nước nộp ngân sách</i>								
2	<i>Thu từ các khoản cho vay của ngân sách</i>								
2.1	Thu nợ gốc cho vay								
2.2	Thu lãi cho vay								
3	<i>Thu từ quỹ dự trữ tài chính</i>								
VII	Thu huy động đầu tư theo Khoản 3 Điều 8 Luật NSNN								
B	VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG								
C	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH								
I	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên								
1.	<i>Bổ sung cân đối</i>								
2.	<i>Bổ sung có mục tiêu</i>								
II	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên								
D	THU ĐỀ LẠI CHI								
E	THU CHUYỂN NGUỒN								
F	THU KẾT DƯ NGÂN SÁCH								

ĐỀ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2015
(Kèm theo Công văn số 553/UBND-TH ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung chi	2020		2021		2022		2023		2024		2025	
		NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW	NSDP	NSTW
A													
	B												
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH												
I	Chi đầu tư phát triển												
1	Chi đầu tư phát triển cho chương trình, dự án theo lĩnh vực												
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp hoạt động công												
3	Chi đầu tư phát triển khác												
II	Chi trả nợ lãi vay theo quy định												
III	Chi thường xuyên												
2.1	Chi quốc phòng												
2.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội												
2.3	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề												
2.4	Chi Y tế, dân số và gia đình												
2.5	Chi Khoa học và công nghệ												
2.6	Chi Văn hóa thông tin												
2.7	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn												
2.8	Chi Thể dục thể thao												
2.9	Chi Bảo vệ môi trường												
2.10	Chi các hoạt động kinh tế												
2.10.1	Trong đó: - Chi sự nghiệp nông, lâm nghiệp, thủy sản và thủy lợi												
2.10.2	- Chi giao thông vận tải												
2.11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể												
2.11.1	Trong đó: - Chi hoạt động quản lý Ngân hàng Nhà nước												
2.12	Chi Bảo đảm xã hội												
2.13	Chi trợ giá mặt hàng chính sách												
2.14	Chi khác												
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính												
V	Chi chuyển nguồn												
VI	Chi dự phòng ngân sách												
VII	Chi viện trợ												
IX	Chi tạo nguồn CCTL												
B	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI												
1	Bổ sung cân đối												
2	Bổ sung có mục tiêu												
C	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN												
D	CHI TỪ NGUỒN THU DẸ LẠI												
E	CHI TRẢ NỢ GỐC												
	TỔNG SỐ (A+B+C+D+E)												



DỰ KIẾN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2015

(Kèm theo công văn số 553/UBND-TH ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung	2020	2021	2022	2023	2024	2025	
		A	B	1	2	3	4	5
1	Thu nội địa Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do Trung ương quản lý - Thuế giá trị gia tăng - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế tiêu thụ đặc biệt - Thuế tài nguyên - Thuế môn bài - Thu khác <i>Trong đó thu từ Nhà máy Lọc dầu</i> - Thuế giá trị gia tăng - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế tiêu thụ đặc biệt - Thuế tài nguyên - Thu điều tiết							
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý - Thuế giá trị gia tăng - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thuế tiêu thụ đặc biệt - Thu từ thu nhập sau thuế - Thuế tài nguyên - Thuế môn bài - Thu khác							
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài - Thuế giá trị gia tăng - Thuế thu nhập doanh nghiệp - Thu từ khí thiên nhiên - Thuế tiêu thụ đặc biệt							

	- Thuế tài nguyên				
	- Tiền thuế mặt đất, mặt nước				
	- Thuế môn bài				
	- Thuế khác				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
	- Thuế giá trị gia tăng				
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	- Thuế tài nguyên				
	- Thuế môn bài				
	- Thuế khác				
5	Lệ phí trước bạ				
6	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
8	Thuế thu nhập cá nhân				
9	Thuế bảo vệ môi trường				
10	Thu phí xăng dầu				
11	Phí, lệ phí				
12	Tiền sử dụng đất				
13	Thu tiền thuế đất, mặt nước				
14	Thuế nhà đất				
15	Thuế chuyển quyền sử dụng đất				
16	Thu tiền sử dụng khu vực biển				
17	Thu từ bán tài sản nhà nước				
18	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước				
19	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
20	Thu khác ngân sách				
21	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
22	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
23	Thu cổ tức và lợi nhuận sau thuế				
24	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (kể cả xổ số điện toán)				
	<i>Thuế giá trị gia tăng</i>				
	<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				
	<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>				

Biểu 4

DỰ KIẾN THU THUẾ XUẤT, NHẬP KHẨU

CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2021-2015

(Kèm theo công văn số 553 /UBND-TH ngày 14/02/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



ĐVT: Triệu đồng

TT		2020	2021	2022	2023	2024	2025
A		1	2	3	4	5	6
	Thu thuế xuất, nhập khẩu						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng nhập khẩu						
4	Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu						
5	Thuế bổ sung đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam						
6	Thu chênh lệch giá hàng xuất nhập khẩu						
7	Thuế bảo vệ môi trường do cơ quan hải quan thực hiện						
8	Phí, lệ phí hải quan						
9	Thu khác						
10	Hoàn thuế giá trị gia tăng						

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 136 /SKHĐT-TH
V/v xác định một số chỉ tiêu cơ
bản trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

Quảng Ngãi, ngày 10 tháng 02 năm 2020

VĂN PHÒNG UBND TỈNH QUẢNG NGÃI

Chuyên: PTT
Ngày: 13.02.2020
ĐẾN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại công văn số 266/UBND-TH ngày 20/01/2020 về số liệu thu nhập bình quân đầu tư người giai đoạn 2021 – 2025; công văn số 271/UBND-TH ngày 21/01/2020 về thực hiện chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy tại công văn số 4123-CV/TU ngày 15/01/2020. Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh như sau:

Để có cơ sở tham mưu UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, ngày 06/02/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức buổi họp với các cơ quan: Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và PTNT, Lao động, Thương binh và Xã hội, Nội vụ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Cục Thống kê tỉnh để thảo luận 04 nội dung: (1) Số liệu thu nhập bình quân đầu người; (2) tính Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo 04 khu vực (Công nghiệp – Xây dựng, Dịch vụ, Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm; (3) Quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê; (4) Xác định một số chỉ tiêu trong nhiệm kỳ 2020 – 2025. Kết quả buổi họp như sau:

Nội dung 1: Về số liệu thu nhập bình quân đầu người

Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ phối hợp với Cục Thống kê hoàn thiện nội dung, cơ sở tính toán chỉ tiêu Thu nhập bình quân đầu người để báo cáo UBND tỉnh.

Nội dung 2: Về tính Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo 04 khu vực.

Trong giai đoạn 2016 – 2020, Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) tỉnh được phân thành 03 khu vực (Công nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản). Hiện tại, các số liệu công bố GRDP của Tổng Cục thống kê và các yêu cầu báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, GRDP được chia làm 04 khu vực (Công nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp).

Theo cách tính GRDP theo 03 khu vực: (Thuế sản phẩm – Trợ cấp sản phẩm) được tính vào trong các ngành kinh tế. Nhưng thực tế, phần Thuế sản phẩm – Trợ cấp sản phẩm này không phải được tạo ra do khả năng sản xuất của nền kinh tế mà nó được tạo ra do quy định về chính sách tài chính, do vậy, cần tách phần này ra khỏi Tổng giá trị tăng thêm của tất cả các ngành kinh tế (Công nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản) để làm rõ quy mô thực tăng thêm của nền kinh tế.

Nội dung 3: Về quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống

kê.

Theo Thông tư số 13/2019/TT-BKHĐT ngày 31/12/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh (có hiệu lực từ ngày 15/02/2020), quy định năm 2020 làm năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh; hệ thống chỉ số giá để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh; hệ thống chỉ tiêu thống kê tính theo giá so sánh; phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh và chuyển giá trị của các chỉ tiêu thống kê theo năm gốc 2010 và 2020.

Tuy nhiên, hiện tại chưa có giá 2020 để làm gốc so sánh để tính các chỉ tiêu kinh tế tổng hợp cho các năm sau, do vậy, trong thời điểm hiện tại chưa có cơ sở tính, xây dựng số kế hoạch theo giá năm 2020 nên thống nhất vẫn dùng giá so sánh năm 2010 để tính.

Nội dung 4: Về xác định một số chỉ tiêu trong nhiệm kỳ 2020 – 2025

Tỉnh ủy yêu cầu xác định 09 nhóm chỉ tiêu: (1) Giá trị sản xuất năm 2025 (giá so sánh 2010), tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân hàng năm giai đoạn 2020 – 2025, giá trị tăng thêm, tốc độ tăng giá trị tăng thêm bình quân hàng năm giai đoạn 2020 – 2025 của các khu vực; (2) Năng suất lao động; (3) Năng suất yếu tố tổng hợp; (4) Cơ cấu lao động đến năm 2025; (5) Tỷ lệ dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch đến năm 2025; (6) Tỷ lệ tối thiểu xã, phường, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, trong đó, vững mạnh toàn diện hàng năm; (7) Tỷ lệ lao động qua đào tạo (không phải đào tạo nghề) đạt ...%, trong đó, có bằng cấp, chứng chỉ đạt ...%; (8) Tỷ lệ hộ nghèo khu vực miền núi đến năm 2025 còn ...%; khu vực đồng bằng đến năm 2025 còn ...%; (9) Thứ hạng của Tỉnh về chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) và Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công (PAPI) trong số 63 tỉnh thành. Trong đó, có 02 chỉ tiêu mới là (2), (3) và 01 nội dung cần bổ sung (9).

- Đối với chỉ tiêu số (2): Việc tính toán, xác định chỉ tiêu này ở cấp độ địa phương có thể vận dụng từ phương thức tính toán ở cấp quốc gia. Cụ thể:

Công thức tính ở cấp quốc gia: Năng suất lao động xã hội = (Tổng sản phẩm trong nước (GDP))/Tổng số người làm việc bình quân.

Vận dụng ở cấp địa phương: Năng suất lao động của tỉnh = (Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP))/Tổng số người làm việc bình quân của tỉnh.

- Đối với chỉ tiêu số (3): Hiện chưa có cơ sở, tính toán, xác định chỉ tiêu này ở cấp độ địa phương.

- Đối với chỉ tiêu còn lại, trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị liên quan, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Qua buổi họp, các ngành, đơn vị liên quan thống nhất có 02 nội dung cần bổ sung căn cứ, dữ liệu để xác định chỉ tiêu này trong nhiệm kỳ 2020 – 2025, cụ thể:

(1) Tính tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo 04 khu vực (Công

ng nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm) thay vì 03 khu vực như giai đoạn 2016 – 2020 (Công nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, lâm nghiệp và Thủy sản).

Cần bổ sung dữ liệu: Các khoản thu, chi ngân sách từng năm của giai đoạn 2021 – 2025 để tách phần Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm ra khỏi giá trị gia tăng thêm của các ngành kinh tế (Công nghiệp – Xây dựng; Dịch vụ; Nông, lâm nghiệp và thủy sản).

(2) Năng suất lao động

Cần bổ sung dữ liệu: Tổng số người làm việc bình quân các năm của giai đoạn 2021 – 2020.

Để có cơ sở tính toán các chỉ tiêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư kính đề nghị UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị cung cấp các dữ liệu liên quan để Sở Kế hoạch và Đầu tư có căn cứ, cơ sở phối hợp với Cục Thống kê tỉnh tính toán, xây dựng số Kế hoạch cho giai đoạn 2020 – 2025.


(Có dự thảo Công văn chỉ đạo kèm theo).

Sở Kế hoạch và Đầu tư kính báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định. *Trần Thị Mỹ Ái*

Nơi nhận :

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Các Sở: Tài chính, Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Cục Hải quan tỉnh;
- GD và các PGD;
- Lưu VT, TH.

GIÁM ĐỐC



Trần Thị Mỹ Ái